TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
&&&

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hứa Văn Khương**.**

2/ Bà Lưu Thị Tám.

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 527/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 4/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp A, thị trấn C, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Hồ Minh K**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn C, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Năm 2000 chị với anh Hồ Minh K tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 7/4/2009. Trong thời gian chung sống, anh chị có hai người con chung là cháu Hồ Minh Y, sinh ngày 8/6/2002 và cháu

Hồ Minh T, sinh ngày 21/11/2008, hai cháu đang sống chung với chị. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng gần đây anh chị phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Nay chị D yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh K; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh K cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hồ Minh K đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D và anh K được ly hôn, giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Anh Hồ Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị D và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Hồ Minh K tự nguyện tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào năm 2000, đến năm 2009 anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 7/4/2009 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị D cho rằng sau một thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị không cùng quan điểm sống, anh K không chăm lo làm ăn nên chị xin ly hôn với anh K. Thấy rằng: Hôn nhân giữa chị D và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay chị D cương quyết yêu cầu ly hôn với anh K. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị và anh K được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Hồ Minh K có hai người con chung là cháu Hồ Minh Y, sinh ngày 8/6/2002 và cháu Hồ Minh T, sinh ngày 21/11/2008, hai cháu đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành. Xét thấy: Từ khi chị D và anh K không còn chung sống với nhau thì hai cháu do chị D nuôi dưỡng, Tòa án đã thông báo cho anh K biết việc chị D yêu cầu nuôi hai cháu nhưng anh vẫn không có ý kiến, điều này cho thấy anh K không quan tâm, lo lắng đối với các cháu, hai cháu có nguyện vọng chung sống với chị D. Vì vậy, để ổn định tâm lý và bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Y và cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh K không có ý kiến. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T. Theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Mức cấp dưỡng cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".* Mức cấp dưỡng mà chị D yêu cầu là phù hợp với thực tế, nhu cầu ăn uống, sinh hoạt tại địa phương nên Hội đồng xét xử buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh K, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, anh K không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và anh K phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Hồ Minh K.

2/. Về con chung: Giao cháu Hồ Minh Y, sinh ngày 8/6/2002 và cháu Hồ Minh T, sinh ngày 21/11/2008 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Hồ Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Minh T mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành và được thi hành ngay.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Hồ Minh K, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002557 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hồ Minh K phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND TT C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm